

Số: /SYT-NVY

Bình Định, ngày tháng 01 năm 2022

V/v báo cáo kết quả thẩm định
điều kiện thực hiện DMKT tại
Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình

Kính gửi: Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế về việc sửa đổi bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Thực hiện Công văn số 127/KCB-HN ngày 21/02/2014 của Cục Quản lý Khám chữa bệnh - Bộ Y tế về việc giao Giám đốc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thẩm định danh mục kỹ thuật đối với các bệnh viện tư nhân trên địa bàn,

Hội đồng chuyên môn để thẩm định điều kiện thực hiện các dịch vụ kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Sở Y tế Bình Định đã tiến hành thẩm định điều kiện thực hiện đối với 88 kỹ thuật (13 kỹ thuật vượt tuyến, 75 kỹ thuật đúng tuyến) của Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình đề nghị phê duyệt bổ sung và nhận thấy Bệnh viện có đủ điều kiện về nhân sự, trang thiết bị, cơ sở vật chất để triển khai thực hiện các kỹ thuật nêu trên theo quy định.

(Có Biên bản thẩm định và Danh mục kỹ thuật kèm theo)

Sở Y tế Bình Định kính báo cáo Bộ Y tế xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BVĐK Hòa Bình;
- Lãnh đạo Sở;
- Trang TTĐT Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVY.

GIÁM ĐỐC

Lê Quang Hùng

Phụ lục 1**DANH MỤC KỸ THUẬT ĐÚNG TUYẾN**

TT	Thông tư	Danh mục kỹ thuật
	TT 43	
		VIII. Y HỌC CỔ TRUYỀN
		E. ĐIỆN CHÂM
1	279.	Điện châm điều trị huyết áp thấp
2	280.	Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính
3	285.	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt
4	289.	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não
5	292.	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện
6	293.	Điện châm điều trị bí đái cơ năng
7	296.	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
8	298.	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp
9	299.	Điện châm điều trị khàn tiếng
10	302.	Điện châm điều trị chắp lẹo
11	306.	Điện châm điều trị lác cơ năng
12	312.	Điện châm điều trị đau răng
13	315.	Điện châm điều trị giảm khứu giác
14	318.	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư
		G. THUYẾT CHÂM
15	329.	Thuyết châm điều trị béo phì
16	331.	Thuyết châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng
17	335.	Thuyết châm điều trị mày đay
18	336.	Thuyết châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng
19	339.	Thuyết châm điều trị giảm thính lực
20	344.	Thuyết châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não
21	348.	Thuyết châm điều trị thống kinh

22	349.	Thủy châm điều trị rối loạn kinh nguyệt
23	350.	Thủy châm điều trị đái dầm
24	353.	Thủy châm điều trị hen phế quản
25	354.	Thủy châm điều trị huyết áp thấp
26	355.	Thủy châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính
27	362.	Thủy châm điều trị hội chứng ngoại tháp
28	363.	Thủy châm điều trị khàn tiếng
29	373.	Thủy châm điều trị đau răng
30	374.	Thủy châm điều trị táo bón kéo dài
31	382.	Thủy châm điều trị lác cơ năng
32	385.	Thủy châm điều trị di tinh
33	386.	Thủy châm điều trị liệt dương
34	387.	Thủy châm điều trị rối loạn tiểu tiện
		H. XOA BÓP BẮM HUYẾT
35	393.	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do viêm não
36	395.	Xoa bóp bấm huyết phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não
37	398.	Xoa bóp bấm huyết điều trị choáng, ngất
38	400.	Xoa bóp bấm huyết điều trị chứng ù tai
39	401.	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm khứu giác
40	406.	Xoa bóp bấm huyết điều trị tâm căn suy nhược
41	407.	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng ngoại tháp
42	415.	Xoa bóp bấm huyết điều trị sụp mí
43	417.	Xoa bóp bấm huyết điều trị lác cơ năng
44	418.	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm thị lực
45	420.	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm thính lực
46	423.	Xoa bóp bấm huyết hỗ trợ điều trị tăng huyết áp
47	424.	Xoa bóp bấm huyết điều trị huyết áp thấp
48	426.	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng

49	433.	Xoa bóp bấm huyết điều trị chứng tic cơ mặt
50	439.	Xoa bóp bấm huyết điều trị táo bón
51	448.	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm đau do ung thư
		XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG
		A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)
52	8.	Điều trị bằng siêu âm
53	26.	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống
		B. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)
54	32.	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy
55	46.	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)
56	57.	Tập kéo dẫn
57	60.	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi trên
58	61.	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể (PNF) chi dưới
59	82.	Kỹ thuật ức chế co cứng tay
60	83.	Kỹ thuật ức chế co cứng chân
61	84.	Kỹ thuật ức chế co cứng thân mình
62	88.	Kỹ thuật ức chế và phá vỡ các phản xạ bệnh lý
63	89.	Kỹ thuật kiểm soát đầu, cổ và thân mình
		C. HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)
64	100.	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí...)
65	101.	Tập điều hòa cảm giác
66	102.	Tập tri giác và nhận thức
67	103.	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày ADL với các dụng cụ trợ giúp thích nghi
	TT 21	
68	167	Tập vận động cột sống

69	168	Kỹ thuật xoa bóp bằng máy
70	170	Kỹ thuật kiểm soát tư thế (ngồi, bò, đứng, đi)
71	171	Kỹ thuật tạo thuận vận động cho trẻ (lấy, ngồi, bò, đứng, đi)
72	177	Kỹ thuật tập vận động cho trẻ bị biến dạng cột sống (cong vẹo, gù, ưỡn)
	TT 43	
		XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG
		A. TIM, MẠCH
73	22.	Test dung tích sống gắng sức (FVC)
		H. NỘI TIẾT
74	122.	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 2 mẫu không định lượng Insulin
		XXIV. VI SINH
		B. VIRUS
		1. Virus chung
75	108	Virus test nhanh

Phụ lục 2

DANH MỤC KỸ THUẬT VƯỢT TUYỂN

TT	Thông tư	Danh mục kỹ thuật
	TT 43	
		III. NHI KHOA (Áp dụng riêng đối với chuyên ngành Nhi)
		XIV. LAO (ngoại lao)
1	2427.	Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng nách
		XV. UNG BƯỚU- NHI
		E. LỒNG NGỰC – TIM MẠCH – PHỔI
2	2638.	Phẫu thuật vét hạch nách
		X. NGOẠI KHOA
		D. TIÊU HÓA
		7. Tăng sinh môn
3	552.	Phẫu thuật Longo
4	553.	Phẫu thuật Longo kết hợp với khâu treo trĩ
		G. CHẤN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH
		13. Vùng cổ chân - bàn chân
5	868.	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương gót
	TT 21	
		XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG
		H. VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp tập hoặc hướng dẫn người bệnh)
6	175	Kỹ thuật kéo dẫn cho trẻ em bị vẹo cổ bẩm sinh
7	179	Kỹ thuật kiểm soát tư thế và vận động cho bệnh nhân Parkinson.
		L. KỸ THUẬT THĂM DÒ, LƯỢNG GIÁ, CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG (nhân viên y tế trực tiếp thực hiện)
8	195	Chẩn đoán điện thần kinh cơ
	TT 43	
		XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG

		A. TIM, MẠCH
9	7.	Holter huyết áp
10	12.	Holter điện tâm đồ
		B. HÔ HẤP
11	19.	Đo hô hấp ký
12	25.	Nghiệm pháp hô hấp gắng sức
		H. NỘI TIẾT
13	121.	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (100g Glucose) 4 mẫu cho người bệnh thai nghén